

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

LÊ THỊ THANH HÀ*

Thực trạng môi trường và những biến đổi của môi trường trong thời gian gần đây đang tạo ra những bất lợi cho đời sống con người. Môi trường toàn cầu cũng như môi trường của quốc gia, nhìn chung đang thay đổi theo chiều hướng xấu đi. Trước tình hình ô nhiễm môi trường (ÔNMT) trầm trọng như hiện nay, Nhà nước phải đứng ra xây dựng kế hoạch, tổ chức cải thiện và bảo vệ môi trường (BVMT), bởi vì:

Một là: theo quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin, Nhà nước ra đời là nhằm để duy trì chế độ kinh tế và quản lý xã hội trong vòng trật tự. Vì vậy, ngay từ khi ra đời, Nhà nước đã có hai chức năng là thống trị chính trị và chức năng xã hội. Nếu như chức năng thống trị chính trị là công cụ chuyên chính của một giai cấp, nó sẵn sàng sử dụng mọi công cụ, mọi biện pháp để bảo vệ sự thống trị của giai cấp đó thì chức năng xã hội phải thực hiện việc quản lý những hoạt động chung vì sự tồn tại của xã hội, phải lo tới một số công việc chung của toàn xã hội; trong giới hạn có thể được, nó phải thỏa mãn một số nhu cầu chung của cộng đồng dân cư nằm dưới sự quản lý của Nhà nước. Hai chức năng này có mối quan hệ qua lại với nhau và thống nhất trong một Nhà nước. Do đó, Ph. Ăngghen viết: “Ở khắp nơi, chức năng xã hội là cơ sở của sự thống trị chính trị; và sự thống trị chính trị cũng chỉ kéo dài chừng nào nó còn thực hiện chức năng xã hội đó của nó”¹. Với chức năng xã hội của mình là phải quản lý những hoạt động chung vì sự tồn tại và phát triển

của xã hội thì, ngày nay, vai trò đó không ai khác ngoài Nhà nước phải quản lý môi trường (QLMT) và giải quyết công việc BVMT nếu không muốn nhân loại rơi vào diệt vong. Vì vậy, với chức năng xã hội của mình, các nhà triết học Mác - Lênin đã chỉ cho chúng ta thấy, chính phủ của các quốc gia (trong đó có Việt Nam), hiện nay, cần phải ra tay giải quyết các vấn đề về môi trường và BVMT.

Hai là: theo triết học Mác - Lênin, thế giới cực kỳ phức tạp và đa dạng, được tạo thành từ nhiều yếu tố. Song, suy đến cùng có ba yếu tố cơ bản là: giới tự nhiên, con người và xã hội. Ba yếu tố này thống nhất với nhau trong một hệ thống “tự nhiên - con người - xã hội”. Cơ sở xuất phát của sự thống nhất đó là “mọi lịch sử đều phải xuất phát từ những cơ sở tự nhiên và từ những thay đổi của chúng do hoạt động của con người gây ra trong quá trình lịch sử”², vì vậy, “chừng nào mà loài người còn tồn tại thì lịch sử của họ và lịch sử của tự nhiên quy định lẫn nhau”³. Hạt nhân của sự thống nhất biện chứng giữa con người và tự nhiên chính là vấn đề xã hội, bởi vì “bản chất *con người* của tự nhiên chỉ tồn tại đối với con người *xã hội*, vì chỉ có trong xã hội, tự nhiên đối với con người mới là một cái *khâu liên hệ con người* với con người”⁴ và “Những quan hệ nhất định đó với tự nhiên, là do *hình thức của xã hội quyết định* và ngược lại”⁵. Điều này cho thấy, xã hội đối xử với tự nhiên ra sao là tùy thuộc vào hình thức của chế độ xã hội, vào tính chất của những điều kiện chính trị, kinh tế và xã hội mà trong đó con người sống và hoạt động. Nói cách khác, xã hội đối xử với môi trường như thế nào phụ

* ThS. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

thuộc vào trình độ phát triển kinh tế và chính quyền, Nhà nước đang cầm quyền ở giai đoạn đó. Vì vậy, trong xã hội hiện đại ngày nay, không ai khác, chính Nhà nước – với vai trò và chức năng xã hội của mình – cần đứng ra giải quyết mối quan hệ con người, xã hội và môi trường.

Trong Hội nghị Liên Hợp Quốc về môi trường và con người họp tại Stockholm, điều thứ hai trong bản tuyên bố này cũng đã ghi: “Bảo vệ và cải thiện môi trường con người là một vấn đề lớn có ảnh hưởng đến phúc lợi của mọi dân tộc và phát triển kinh tế trên toàn thế giới: đó là khao khát khẩn cấp của các dân tộc trên khắp thế giới và là *nhệm vụ của mọi chính phủ*”⁶.

Ba là: lịch sử phát triển loài người kể từ khi xuất hiện giai cấp và Nhà nước đến nay cho thấy, dù trực tiếp hay gián tiếp, Nhà nước đều tác động đến kinh tế. Điều này cũng đã được các nhà sáng lập triết học Mác – Lênin tổng kết từ thực tiễn. Nhà nước ra đời từ sự phát triển của kinh tế, do sự phát triển của kinh tế quy định. Sau khi ra đời nó nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế và toàn bộ các lợi ích khác của giai cấp thống trị trên lĩnh vực kinh tế. Cho nên, Nhà nước không chỉ do kinh tế, mà còn là *vì kinh tế*. Vì vậy, với chức năng và vai trò của mình, nhà nước hoạch định chính sách phát triển và quản lý kinh tế trong những giai đoạn nhất định của xã hội. Trong từng giai đoạn phát triển của lịch sử nhất định, Nhà nước đồng thời phải kết hợp mục tiêu kinh tế với mục tiêu BVMT. Có như thế thì sự phát triển xã hội mới mang tính bền vững. Nếu phát triển kinh tế nhanh bằng mọi cách thì việc tàn phá môi trường là điều không thể tránh khỏi, do vậy, để lại những hậu quả xấu về môi trường. Vì vậy, Nhà nước cần tính toán khoa học khi lựa chọn mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế cần gắn liền với BVMT. Vai trò này của Nhà nước cũng không ai có thể thay thế được. Điều này cũng đã được Đảng cộng sản Việt Nam khẳng định trong Chỉ thị số 29-CT/TW của Bộ Chính trị là “Nhà nước

có vai trò rất quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường, đại diện cho nhân dân quản lý và bảo vệ môi trường, đem lại môi trường trong lành, sạch đẹp”⁷.

Trong những năm gần đây, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) của nước ta đã đem lại những thành tựu kinh tế - xã hội to lớn, góp phần tăng năng suất lao động xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực mà quá trình CNH, HĐH đem lại, còn có tác động tiêu cực, ảnh hưởng không nhỏ đến các mặt đời sống kinh tế - xã hội của nước ta. Trong đó, tác động đến môi trường là một minh chứng điển hình. Trước tình hình đó, Đảng ta đã đưa ra quan điểm về BVMT trong Chỉ thị số 36-CT/TW: “*Tăng cường công tác BVMT trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước*”.

Mở đầu Chỉ thị, Đảng ta đã khẳng định: “BVMT là một vấn đề sống còn của đất nước, của nhân loại; là nhiệm vụ có tính xã hội sâu sắc, gắn liền với cuộc đấu tranh xóa đói, giảm nghèo của mỗi nước, với cuộc đấu tranh vì hòa bình và tiến bộ xã hội trên phạm vi toàn thế giới”. “BVMT là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; BVMT là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng đảm bảo phát triển bền vững, thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH đất nước; coi phòng ngừa và ngăn chặn ô nhiễm là nguyên tắc chủ đạo, kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên; kết hợp phát huy nội lực với tăng cường hợp tác quốc tế trong BVMT và phát triển bền vững”⁸.

Từ thực tiễn ô nhiễm môi trường (ÔNMT) của đất nước trong những năm qua, từ quan điểm chỉ đạo của các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc và từ Chỉ thị 36/CT - TW về “*Tăng cường công tác BVMT trong*

thời kỳ CNH, HĐH đất nước”..., Nhà nước ta đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình trong lĩnh vực BVMT, góp phần cải thiện môi trường sống của người dân. Điều đó được thể hiện cụ thể như sau:

- Về mặt xây dựng hệ thống văn bản pháp luật: tính đến nay các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ở nước ta đã ban hành gần 600 văn bản có liên quan đến BVMT. Tháng 12/1993, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa IX kỳ họp thứ IV đã thông qua Luật BVMT, góp phần điều chỉnh các hành vi theo hướng bền vững, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái tài nguyên và các thành phần môi trường, tạo tiền đề quan trọng cho công tác BVMT. Các Luật bảo vệ các thành phần môi trường ra đời sau đó như: Luật khoáng sản 1996; Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; Luật thủy sản 2003; Luật đất đai 2003; Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn, Nghị định về hoạt động đo đạc bản đồ... Đặc biệt là Nhà nước đã xây dựng “Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia giai đoạn 2001 - 2010” và mục tiêu đến năm 2020. Tiếp đó là, Luật BVMT được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005, có hiệu lực ngày 1/7/2006 với 15 chương, 136 điều, hiện nay là nguồn cơ bản nhất của Luật môi trường Việt Nam.

Nhiều Nghị định được ban hành hướng dẫn thực hiện Luật: Nghị định số 175/CP ngày 18-11-1994 về thi hành Luật BVMT cùng các quy chế, quy định của Thủ tướng Chính phủ, các thông tư, quy định của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải của các bộ, ngành, địa phương đã được ban hành và tiếp tục hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý ngày càng mạnh trong việc phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường; Nghị định số 26/CP ngày 26-4-1996 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về BVMT. Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 1999 đã bổ sung chương XVII quy định

10 tội phạm môi trường làm cơ sở cho việc hình thành thể chế hình sự trong lĩnh vực môi trường...

Các văn bản pháp luật và Chiến lược về BVMT đã tạo cơ sở pháp lý, định hướng cho hoạt động kinh tế - xã hội và phát huy tác dụng nâng cao trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc BVMT. Yêu cầu BVMT có trong Chiến lược BVMT, Luật BVMT và các văn bản khác có liên quan đã thể hiện được quan điểm tổng hợp, toàn diện, hệ thống và liên ngành trong việc BVMT của Nhà nước Việt Nam. Mục tiêu của Nhà nước ta không chỉ bảo đảm một môi trường thuận lợi để nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh tế mà hơn thế nữa, chính là nhằm góp phần nâng cao chất lượng sống của con người.

Mặc dù vậy, hệ thống văn bản pháp luật về BVMT vẫn còn thiếu nhiều quy định quan trọng, cụ thể, như: thuế BVMT; kiểm toán môi trường; quy định chi tiết chế độ bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường; thiếu chính sách cụ thể khuyến khích ngành công nghiệp môi trường, xã hội hóa BVMT; Hệ thống Luật BVMT chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, chồng chéo và mâu thuẫn nhau. Chẳng hạn, giữa Luật BVMT năm 2005 và Luật Đầu tư mới có nhiều điểm không thống nhất. Theo Điều 22, Luật BVMT năm 2005, mục 4 quy định, các dự án đầu tư chỉ được phép phê duyệt, cấp phép đầu tư sau khi có báo cáo đánh giá tác động môi trường, đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc bản cam kết BVMT đã được cấp giấy xác nhận. Trong khi đó, Luật Đầu tư năm 2005 chỉ quy định các dự án phải đăng ký đầu tư có nội dung cam kết BVMT và các dự án phải làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư có nội dung về giải pháp BVMT; Việc ban hành một số văn bản pháp luật về BVMT, nhất là các văn bản hướng dẫn thi hành luật rất chậm trễ, thiếu kịp thời, khiến cho việc triển khai thi hành luật khó khăn, hiệu quả thấp. Mặc dù Luật BVMT được ban hành từ năm 1993, nhưng đến năm 1996, Chính phủ mới ban hành

Nghị định số 26/NĐ-CP ngày 26/4/1996 về xử phạt vi phạm hành chính về BVMT và trên thực tế thì Nghị định này cũng không thực hiện được. Năm 2003, Chính phủ mới ban hành Nghị định số 67/2003/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính về BVMT thay thế cho Nghị định 26/NĐ-CP. Như vậy, sau 10 năm thực hiện Luật BVMT, công cụ kinh tế để quản lý Nhà nước (QLNN) về môi trường lần đầu tiên mới được áp dụng ở nước ta theo nguyên tắc của kinh tế thị trường là “người gây ÔNMT phải trả tiền”. Cho đến nay, việc áp dụng các công cụ kinh tế trong QLNN về môi trường ở nước ta còn rất hạn chế.

Hệ thống pháp luật về BVMT còn nhiều điểm chưa phù hợp với thực tế. Có thể nhận thấy trách nhiệm pháp lý, đặc biệt là trách nhiệm hình sự đối với những hành vi vi phạm Luật BVMT chưa được quy định sát với thực tế, làm cho hiệu lực thực thi của pháp luật kém. Chẳng hạn, trong “sự kiện Vêdan” nhiều ý kiến cho rằng có thể khởi tố hình sự công ty này. Thế nhưng, trong Bộ Luật Hình sự năm 1999 lại quy định chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với thể nhân (cá nhân), không áp dụng đối với pháp nhân (tổ chức). Do đó, không thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với công ty Vêdan. Chính sự bất cập này làm cho môi trường tiếp tục bị nhiều pháp nhân xâm hại.

Một số hành vi vi phạm pháp luật BVMT chưa được quyết định chi tiết, cụ thể, rõ ràng, thậm chí còn nhiều hành vi vi phạm còn chưa có chế tài xử phạt. Ví dụ Điều 10, 11, 13 của Nghị định 121/2004/NĐ-CP hay Điều 15, 16 của Nghị định 81/2006/NĐ-CP đã đưa ra khung và mức phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT, nhưng còn chung chung, không chi tiết, không cụ thể. Vì thế, rất khó thực hiện. Mặc dù Nghị định số 117/2009/NĐ-CP đã chi tiết hóa khung và mức phạt cho từng hành vi vi phạm, nhưng vẫn chưa thật cụ thể, khiến cho người thi hành có thể áp dụng ở nhiều mức khác nhau, có thể làm nảy sinh tiêu cực.

- *Về mặt cơ cấu tổ chức*: đến nay, Nhà nước đã hình thành được một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về môi trường từ Trung ương đến địa phương. Nhà nước đã đào tạo và từng bước nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách, bước đầu khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào thực hiện mục tiêu BVMT. Tuy nhiên, cho đến nay mới có 61/63 tỉnh/thành phố thành lập Chi cục BVMT thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và 617/688 huyện thành lập được Phòng Tài nguyên và Môi trường. Ngoài ra, còn nhiều nơi trong cả nước công tác QLNN về môi trường chưa được triển khai. Còn ở cấp xã, nhiệm vụ QLNN về môi trường gần như bị bỏ trống. Công tác BVMT ở các làng xã thường được giao cho một cán bộ văn hóa xã kiêm nhiệm, với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là đôn đốc, theo dõi công tác vệ sinh ở thôn xóm, khu dân cư. Vấn đề môi trường có tính chất liên ngành, liên vùng chưa có cơ chế kết hợp. Năm 2010, có khoảng 6.000 người ở cả cấp Trung ương và cấp địa phương⁹. Tính chung trên phạm vi cả nước đạt tỷ lệ 70 cán bộ/ triệu dân. Đây là một tỷ lệ rất thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

- *Về tình hình thực thi các văn bản pháp luật BVMT*: Nhà nước đã ban hành và thực hiện nhiều biện pháp nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng ở nước ta. *Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg* của Thủ tướng Chính phủ, ban hành ngày 22/4/2003, về việc *phê duyệt kế hoạch xử lý triệt để cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng*. Để giải quyết tình trạng ÔNMT ở các lưu vực sông, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các quyết định phê duyệt: “*Đề án tổng thể bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái, cảnh quan lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ, sông Đáy và sông Đồng Nai*”. Các quyết định nêu rõ nhiệm vụ, mục tiêu ưu tiên phải xử lý triệt để các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng trong lĩnh vực các sông trên theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg. Ngày 05/6/2008, Thủ

tướng Chính phủ ban hành *Chỉ thị số 17/2008/CT-TTg về một số giải pháp cấp bách, đẩy mạnh công tác xử lý triệt để các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg*.

Tuy nhiên, tính đến tháng 3/2010 (tức là đã vượt quá thời hạn gần 3 năm) kết quả đạt được vẫn rất thấp, vẫn còn 49,88% số cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng chưa hoàn thành việc xử lý ÔNMT triệt để. Nguyên nhân chính là do, mức độ chấp hành các văn bản pháp luật về khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh thời gian qua rất thấp nên các cơ sở hoàn thành việc xử lý khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường so với mục tiêu đặt ra là chưa đạt yêu cầu.

Nhìn chung, có những hạn chế trên là do thời gian qua Nhà nước chưa phát huy hết vai trò và trách nhiệm của mình. Vì vậy, trong thời gian tới, theo chúng tôi, Nhà nước cần nâng cao hơn nữa vai trò và trách nhiệm của mình trong việc BVMT. Cụ thể, Nhà nước phải làm tốt một số việc sau:

- *Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược ở tầm quốc gia về BVMT*. Xây dựng và thực hiện nghiêm túc chiến lược BVMT là nhiệm vụ của mọi Nhà nước hiện nay. Thực hiện tốt hoạt động này sẽ tránh được những trường hợp vì lợi ích cục bộ, lợi ích của địa phương, lợi ích trước mắt mà hủy hoại môi trường. Khai thác tài nguyên thiên nhiên, không đầu tư vào khâu xử lý ÔNMT là một trong những hoạt động kinh tế sinh lợi nhiều và nhanh nhất của thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Trong điều kiện như vậy, nếu thiếu sự quản lý thống nhất theo một chiến lược, kế hoạch chung thì tài nguyên thiên nhiên với tính cách là nguồn lợi, tài sản quý giá nhất của quốc gia sẽ bị khai thác vô tổ chức; đồng thời, các chủ sản xuất, kinh doanh không chịu bỏ tiền ra để xử lý ÔNMT, dẫn đến cạn kiệt tài nguyên và ÔNMT ngày càng trầm trọng.

- *Xây dựng và sử dụng hệ thống pháp luật như một công cụ đặc lực để thực hiện vai trò của mình trong lĩnh vực BVMT*. Các mục tiêu chung về BVMT vì lợi ích chung của cộng đồng, xã hội cần được thể chế hóa, pháp luật hóa và mọi chủ thể trong xã hội phải có trách nhiệm thi hành. Luật BVMT đã thể hiện quan điểm và cách tiếp cận liên ngành trong việc BVMT; nâng cao năng lực và hiệu quả QLNN, tăng cường trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi chủ thể. Đồng thời, căn cứ vào bộ luật chung này, Nhà nước xây dựng, hoàn thiện và ban hành các văn bản pháp luật về quản lý và bảo vệ từng thành phần môi trường. Hệ thống các văn bản pháp luật và quy định chung đó trở thành công cụ để các cấp chính quyền, các cơ quan thực hiện chức năng QLNN trong lĩnh vực BVMT. Các cơ quan QLNN về môi trường phải có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị sản xuất, kinh doanh, các chủ thể kinh tế thực hiện những quy định về QLMT, như lập báo cáo đánh giá, thẩm định tác động môi trường, kê khai môi trường, cam kết BVMT. Đồng thời, thông qua các cơ quan chức năng, Nhà nước thường xuyên giám sát, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT nhằm kịp thời ngăn chặn những biểu hiện vi phạm đến môi trường.

- *Thiết lập sự liên kết, thực hiện nhiệm vụ BVMT giữa cơ quan chuyên trách với các ngành, lĩnh vực khác có liên quan đến môi trường*. Sự QLNN đối với môi trường, xét về mặt tổ chức được thực hiện thông qua hệ thống các cơ quan chuyên ngành từ Trung ương đến địa phương. Hệ thống này (bao gồm Bộ Tài nguyên và Môi trường, cục Môi trường và các Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường...) là cơ quan “thống nhất QLNN về môi trường”. Tuy nhiên, môi trường là lĩnh vực rộng lớn, liên quan đến nhiều ngành hoạt động kinh tế và xã hội. Do đó, cần có sự phối hợp, liên kết chặt chẽ giữa các cơ quan QLNN về môi trường với nhau.

- *Thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn cho các đội ngũ cán bộ, nhân viên có chức năng thực thi nhiệm vụ QLNN về môi trường.* QLNN về môi trường, BVMT có thành công hay không, phụ thuộc rất nhiều vào con người, cụ thể hơn là những người trực tiếp thực thi nhiệm vụ này. Vì vậy, việc xây dựng và tổ chức đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường cho các địa phương, các ngành, các lĩnh vực ở cơ sở là hết sức cần thiết. Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên môi trường chỉ có thể được thực hiện bởi bộ máy nhà nước, các cơ quan chuyên trách như Bộ Tài nguyên, Môi trường... thông qua các khóa học, tập huấn, hội thảo khoa học... về môi trường và BVMT.

- *Đầu tư kinh phí, xây dựng kế hoạch thay đổi và chuyển giao công nghệ xanh, sạch nhằm BVMT.* Các thành phần kinh tế hiện đang được tạo điều kiện phát triển. Song, có thể thấy rằng, công nghệ và kỹ thuật của các thành phần kinh tế, kể cả thành phần kinh tế nhà nước hiện còn đang rất lạc hậu. Chính sự chậm đổi mới công nghệ, thiết bị đã ảnh hưởng tiêu cực, làm giảm hiệu quả mục tiêu BVMT. Vì thế, điều chỉnh việc BVMT dựa trên cơ sở thay đổi công nghệ, kỹ thuật là đặc biệt quan trọng, bởi nó là khâu mấu chốt để tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu ÔNMT. Sự khuyến khích của Nhà nước có thể được thực hiện trên nhiều khía cạnh khác nhau, như ưu đãi về lãi xuất, vốn vay và miễn giảm thuế nhập khẩu công nghệ sạch. Trợ giá cho việc sử dụng nguyên liệu tái chế, giúp đỡ đào tạo nhân lực sử dụng công nghệ mới.

- *Chủ động khai thác các giá trị nhân văn truyền thống trong BVMT của nhân dân ta.* Thực tiễn lịch sử đã cho thấy, nhân dân ta nhiều nơi từ trước đã có những kinh nghiệm BVMT hiệu quả. Tuy nhiên, hiện nay vì nhiều lý do như sự nghèo đói, tác động của cơ chế thị trường, sự gia tăng dân số quá cao... nên nhân dân ta đã lãng quên hoặc từ bỏ những tập tục tốt đẹp về BVMT. Bởi vậy,

Nhà nước cần chủ động nghiên cứu, đánh giá, đúc kết bài học kinh nghiệm BVMT từ trong nhân dân. Trên cơ sở đó, Nhà nước đề ra chủ trương, chính sách BVMT phù hợp với từng địa phương.

- *Xây dựng những chính sách nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm BVMT cho toàn xã hội.* Công việc cải thiện và BVMT có thành công hay không phụ thuộc rất nhiều vào ý thức, trách nhiệm BVMT của các nhà lãnh đạo, các nhà quản lý, các chủ doanh nghiệp và các tầng lớp dân cư. Đây là công việc đòi hỏi sự đầu tư lớn về sức người, sức của trong thời gian dài mới có thể thay đổi được ý thức của toàn dân. Vì vậy, chỉ có Nhà nước mới đủ tiềm lực để giải quyết vấn đề này. Để giải quyết vấn đề này, Nhà nước cần có chính sách và cách tổ chức thực hiện phù hợp với từng đối tượng nhà lãnh đạo, nhà quản lý, các chủ doanh nghiệp và các tầng lớp dân cư.

Chú thích

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, 1994. *Toàn tập*, tập 20, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 253.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen, 1995. *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 29.
3. C. Mác và Ph. Ăngghen, 1995. *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 25.
4. C. Mác và Ph. Ăngghen, 2000. *Toàn tập*, tập 42, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 170.
5. C. Mác và Ph. Ăngghen, 1995. *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 44.
6. *Các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường* (1995). Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 8.
7. Đảng cộng sản Việt Nam, *Chỉ thị số 29-CT/TW của Bộ Chính trị*, www.thuvienphapluat.vn, ngày 21/1/2009.
8. Đảng cộng sản Việt Nam, *Chỉ thị số 36-CT/TW về "Tăng cường công tác BVMT trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước"*, Websie: www.cpv.org.vn, ngày 02/12/2008.
9. *Tạp chí Tài nguyên và Môi trường*, kỳ 1, tháng 4/2010, tr. 26.